TOÀ ÁN ND TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2019/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST/DS, ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Q.

Địa chỉ: số C –D BT, phường H, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Vũ Duy H, sinh năm 1993 (Theo Giấy ủy quyền số 167/2018/UQ-NCB, ngày 10/8/2018).

Chức vụ: Chuyên viên xử lý lý nợ.

Bị đơn: Ông Phí Thành TG, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1980.

Cư trú: Tổ B, phường S, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng Q và ông Phí Thành TG, bà Nguyễn Thị Nguyệt T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nội dung vụ án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là Nguyên đơn Ngân hàng D; Địa chỉ: số C –D BT, phường H, quận K, thành phố Hà Nội và bị đơn Ông Phí Thành TG, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1980. Cụ thể thỏa thuận như sau:

Ông Phí Thành TG và bà Nguyễn Thị Nguyệt T phải trả nợ cho Ngân hàng Q theo Hợp đồng cho vay số 5XX/16/HĐCV/119-11, ngày 12/7/2016 tổng số tiền gốc, lãi chưa thanh toán đến ngày 28/3/2019 là 1.336.729.122 đồng *(Một tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi đồng),* trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.104.000.000 đồng *(Một tỷ, một trăm linh tư triệu đồng)* và nợ lãi chưa thanh toán: 232.729.122 đồng *(Hai trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng)*.

Ông TG và bà T tiếp tục phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng Q theo Hợp đồng cho vay số 5XX/16/HĐCV/119-11, ngày 12/7/2016.

Cụ thể phương án trả nợ được các bên thống nhất như sau:

Số tiền quá hạn 664.729.122 đồng *(Sáu trăm sáu mươi tư triệu,bảy trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng)* ông TG và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng Q đến ngày 31/7/2019 và 4 kỳ gốc lãi hàng tháng (từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019). Cụ thể mỗi tháng (từ tháng 4/2019 đến ngày 31/7/2019) ông TG và bà T phải nộp cho Ngân hàng Q số tiền là: 196.407.280 đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, hai trăm tám mươi đồng)* trong đó gồm 166.182.280 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi đồng)* tiền quá hạn và 30.225.000 đồng *(Ba mươi triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền gốc lãi một kỳ.

Kể từ ngày 01/8/2019 khoản vay của ông TG và bà T sẽ được Ngân hàng Q đưa trở về khoản vay bình thường và ông TG, bà T phải tiếp tục thực hiện thanh toán các khoản gốc, lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết số 5XX/16/HĐCV/119-11, ngày 12/7/2016.

Trong trường hợp ông TG và bà T không thực hiện đúng theo thỏa thuận, không thanh toán toàn bộ số tiền vay cho Ngân hàng Q thì Ngân hàng Q có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật đối với tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu HUYNDAI, tải trọng 14.170 kg, màu ghi, số khung: 64D5E00010XX, số máy: 44E4EC0011XX, BKS: 20C- 107.XX và 01 sơ mi romooc nhãn hiệu CIMC, tải trọng 30.310 kg, màu xanh, số khung: 3383F70053XX, BKS: 20R-005.XX theo hợp đồng thế chấp số 5XX/16/HĐTC/119-11, ngày 12/7/2016.

2.2. Về án phí: Ngân hàng Q tự nguyện chịu án phí 13. 025.468 đồng *(Mười ba triệu,không trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007385, ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả Ngân hàng Q 8.378.456 đồng *(Tám triệu, Ba trăm bẩy tám nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng)* tiền tạm ứng án phí còn lại.

Ông Phí Thành TG và bà Nguyễn Thị Nguyệt T phải chịu 13. 025.468 đồng *(Mười ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời điểm thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà